

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành “Quy định lộ trình đảm bảo chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học và Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tách Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30/06/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-ĐHSPKT ngày 26/04/2018 về việc ban hành hướng dẫn bổ sung thực hiện quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định lộ trình đảm bảo chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên” trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

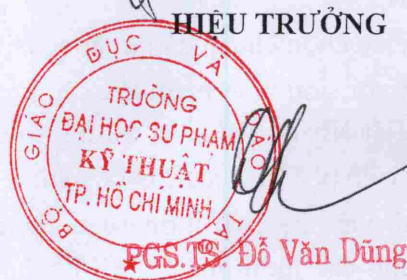
Điều 2. Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Trường các Khoa/ Trung tâm và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/08/2019.//

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Văn Dũng

QUY ĐỊNH

Lộ trình đảm bảo chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên

(Ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-ĐHSPKT ngày 01/08/2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng cho tất cả các sinh viên hệ chính quy (ngoại trừ sinh viên theo học ngành Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh và các sinh viên chất lượng cao tiếng Anh) từ khóa 2019 trở về sau.

Điều 2. Quy định cấp độ ngoại ngữ

Sau 4 học kỳ chính (tính từ thời điểm nhập học), sinh viên phải tích lũy kiến thức ngoại ngữ và đạt cấp độ sau:

1. Sinh viên chọn chuẩn đầu ra là ngoại ngữ tiếng Anh

1.1. Đối với sinh viên tham gia các lớp học tiếng Anh do Trung tâm phát triển ngôn ngữ của Trường tổ chức, trước thời hạn đăng ký môn học học kỳ 5 sinh viên phải đạt cấp độ sau:

- Sinh viên hệ chất lượng cao: đạt cấp độ A2.2 (Hoàn thành các môn học COMM 5 hoặc Anh văn 3 (xem phụ lục 1- Khung chương trình tiếng Anh giao tiếp đỉnh kèm quy định này).
- Sinh viên hệ đại trà: đạt cấp độ A2.1 (Hoàn thành các môn học COMM 4) (xem Phụ lục 1- Khung chương trình tiếng Anh giao tiếp đỉnh kèm quy định này)

1.2. Đối với sinh viên không tham gia học tại Trung tâm Phát triển Ngôn ngữ của Trường:

Để tham gia đăng ký môn học, trước thời gian đăng ký môn học 20 ngày Sinh viên phải nộp về phòng Đào tạo chứng chỉ quốc tế do British Council, IDP Education Pty Ltd, IIG, ETS cấp hoặc tham gia cùng với các kỳ thi sát hạch tiếng Anh đầu ra do nhà trường tổ chức có điểm quy đổi TOEIC 450 trở lên (đối với sinh viên hệ chất lượng cao tiếng Việt) và 400 trở lên (đối với sinh viên hệ đại trà).

2. Sinh viên chọn chuẩn đầu ra là ngoại ngữ tiếng Nhật

2.1. Đối với sinh viên tham gia các lớp học tiếng Nhật do Trung tâm Hướng nghiệp và Đào tạo Việt Nhật VJEC của trường tổ chức, trước thời gian đăng ký môn học cho học kỳ 5, Sinh viên phải đạt các cấp độ sau:

- Sinh viên hệ chất lượng cao chọn đầu ra là chuẩn tiếng Nhật: đạt cấp độ A2.2 (Hoàn thành các môn học COMM 5 hoặc Anh văn 3 (xem phụ lục 1- Khung chương trình tiếng Anh giao tiếp đỉnh kèm quy định này).
- Sinh viên hệ đại trà: thi đạt cấp độ NA2 tương đương N5 (Hoàn thành môn học JPA2) xem Phụ lục 2- Khung chương trình tiếng Nhật hành động đỉnh kèm Quy định này).

2.2. Đối với sinh viên không tham gia học tại Trung tâm Hướng nghiệp và Đào tạo Việt Nhật VJEC của Trường:

Để tham gia đăng ký môn học học kỳ 5, trước thời gian đăng ký 20 ngày, sinh viên phải nộp về Phòng Đào tạo chứng chỉ quốc tế tiếng Nhật JLPT N5, NATEST N5, JLAN J5 trở

lên hoặc thi đạt trình độ NA2 trong kỳ thi sát hạch do trung tâm Hướng nghiệp và Đào tạo Việt Nhật (VJEC) tổ chức.

Để công nhận chuẩn đầu ra tiếng Nhật, Sinh viên chất lượng cao và đại trà phải nộp về phòng Đào tạo chứng chỉ Quốc tế tiếng Nhật JLPT N4, NATEST N4, JLAN J4 trở lên hoặc thi đạt trình độ NA4 trong kỳ thi sát hạch do trung tâm Hướng nghiệp và Đào tạo Việt Nhật (VJEC) tổ chức.

Điều 3. Quy định xử lý như sau:

Nhà trường sẽ xác minh chứng chỉ quốc tế tiếng Anh và tiếng Nhật mà sinh viên nộp. Nếu phát hiện sinh viên sử dụng chứng chỉ không hợp pháp sẽ bị kỷ luật theo quy định hiện hành.

Nếu Sinh viên chưa đạt được chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định ở **Điều 2**, để cho sinh viên có thời gian tập trung ôn luyện ngoại ngữ nhằm theo kịp với lộ trình đảm bảo chuẩn đầu ra nên:

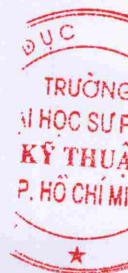
1. Sinh viên không được tham gia đăng ký môn học ở các học kỳ hè từ năm 3 trở đi.
2. Sinh viên chỉ được tham gia đăng ký môn học ở các học kỳ chính (bắt đầu từ học kỳ 5 trở đi) tối đa là 10 tín chỉ/học kỳ.

Khi Sinh viên đạt cấp độ ngoại ngữ được quy định theo **Điều 2** thì sinh viên được trở lại đăng ký môn học bình thường.

Điều 4. Phân công nhiệm vụ:

Để chuẩn bị tổ chức đăng ký môn học, trước khi thời gian đăng ký môn học là 20 ngày:

1. Trung tâm Phát triển Ngôn ngữ và Trung tâm Hướng nghiệp và Đào tạo Việt Nhật phải gửi Danh sách sinh viên đang theo học tại Trung tâm đã đạt được cấp độ ngoại ngữ theo quy định ở **Điều 2** (gồm bản cứng có xác nhận của Trung tâm và file mềm) về phòng Đào tạo để chuẩn bị tổ chức đăng ký môn học.
2. Phòng Đào tạo và phòng Tuyển sinh & Công tác sinh viên phối hợp thực hiện quy định xử lý sinh viên theo quy định ở **Điều 3**.



PHỤ LỤC I

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH GIAO TIẾP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-ĐHSPKT ngày 01 tháng 08 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Môn học	Trình độ (CEFR)	Điểm TOEIC tương đương	Lộ trình tối thiểu hệ đại trà	Lộ trình tối thiểu hệ chất lượng cao tiếng Việt	Ghi chú
1	COMM 1	A0		HK1		
2	COMM 2	A1.1	250	HK2	HK1	
3	COMM 3	A1.2	340	HK3	HK2	
4	COMM 4	A2.1	420	HK4	HK3	Mốc phải hoàn thành trước học kỳ 5 của sinh viên hệ đại trà không chuyên tiếng Anh
5	COMM 5	A2.2	490	HK5	HK4	Mốc phải hoàn thành trước học kỳ 5 của sinh viên hệ chất lượng cao tiếng Việt
6	COMM 6	B1.1	550	HK6	HK5	Chuẩn đầu ra của sinh viên hệ đại trà không chuyên tiếng Anh
7	COMM 7	B1.2	600	HK7	HK6	Chuẩn đầu ra của sinh viên hệ chất lượng cao tiếng Việt

PHỤ LỤC II

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG NHẬT HÀNH ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-ĐHSPKT ngày 01 tháng 08 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh)

**DÀNH CHO SINH VIÊN HỌC ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA
TƯƠNG ĐƯƠNG N4- JLPT, J4 JLAN TEST**

S T T	Môn học (Số TC)	Trình độ (Điểm đạt/điểm tổng)	Chuẩn tương đương		Lộ trình tối thiểu		Ghi chú
			JLPT TEST	JLAN TEST	CLC	ĐẠI TRẢ	
1	JPA1 (8TC)	NA1 (45/90)			HK1 HK2 HK3 HK4 HK5	HK1 HK2 HK3	Mốc sinh viên phải đạt trước học kỳ 5: Hệ CLC thi đạt AV3; Hệ đại trả thi đạt môn học JPA2
2	JPA2 (8TC)	NA2 (80/180)	N5 (90/180)	J5 (100/200)	HK6	HK4	
3	JPA3 (8TC)	NA3 (40/80)					
4	JPA4 (8TC)	NA4 (90/180)	N4 (80/180)	J4 (100/200)			Chuẩn đầu ra cho sinh viên chọn ngoại ngữ tiếng Nhật: Sinh viên phải thi đạt môn học JPA4 hoặc chứng chỉ N4, J4
5	JFSP (3TC)	JFSP (80/180)					Tiếng Nhật chuyên ngành kỹ thuật dành cho sinh viên nhận học bổng đi thực tập
6	JPIN (Thực tập chuyên ngành)						Sinh viên nhận học bổng thực tập tại doanh nghiệp Nhật tại Việt Nam hoặc tại Nhật; Cơ hội việc làm mức lương kỹ sư tại Nhật.

DÀNH CHO SINH VIÊN MUỐN HỌC TRÌNH ĐỘ N3 JLPT

S T T	Môn học (Số TC)	Trình độ (Điểm đạt/điểm tổng)	Chuẩn tương đương		Lộ trình tối thiểu		Ghi chú
			JLPT TEST	JLAN TEST	CLC	ĐẠI TRÀ	
1	JPA1 (8TC)	NA1 (45/90)			HK1 HK2 HK3 HK4	HK1 HK2 HK3	Mốc sinh viên phải đạt trước học kỳ 5: Hệ CLC thi đạt AV3 Hệ đại trà thi đạt môn học JPA2
2	JPA2 (8TC)	NA2 (80/180)	N5 (90/180)	J5 (100/200)	HK5	HK4	
3	JPA3 (8TC)	NA3 (40/80)				HK5	
4	JPA4 (8TC)	NA4 (90/180)	N4 (80/180)	J4 (100/200)	HK6	HK6	Chuẩn đầu ra cho sinh viên chọn ngoại ngữ tiếng Nhật: Hệ đại trà thi đạt môn học JPA4 hoặc chứng chỉ N4, J4
5	JFSP (3TC)	JFSP (80/180)			HK7	HK7	Tiếng Nhật chuyên ngành kỹ thuật dành cho sinh viên nhận học bổng đi thực tập
6	JPB1	NB1 (45/90)					
7	JPB2	NB2 (60/120)			HK8	HK8	Tiếng Nhật đi làm mức lương cao tại Nhật
8	JPB3	NB3 (95/180)	N3 (95/180)	J3 (110/200)			
9	JPIN (Thực tập chuyên ngành)						Sinh viên nhận học bổng thực tập tại doanh nghiệp Nhật tại Việt Nam hoặc tại Nhật; Cơ hội việc làm mức lương kỹ sư tại Nhật.

Handwritten mark